

TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: LÝ THUYẾT TÀI HÍNH TIỀN TỆ
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBOXL ngày tháng năm....
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hoà Bình Xuân Lộc)*

Đồng Nai, năm 2021

(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Để phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu đào tạo ngành kế toán, chúng tôi xây dựng giáo trình "Lý thuyết tài chính tiền tệ" nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ và tín dụng.

Môn học Lý thuyết tài chính tiền tệ cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về tiền tệ tín dụng, hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác tồn tại trong nền kinh tế thị trường, sự hình thành và phát triển của tiền tệ và các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế thị trường, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Giúp học sinh phân biệt được các phương tiện, hình thức của tín dụng và thanh toán quốc tế. Môn học Lý thuyết tài chính tiền tệ làm cơ sở cho học sinh nhận thức các môn chuyên môn của nghề.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ*** dành riêng cho người học trình độ Cao đẳng.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

Chương 1: Tiền tệ trong nền kinh tế thị trường

Chương 2: Tín dụng – Bảo hiểm – Ngân hàng

Chương 3: Thanh toán trong nền kinh tế thị trường

Chương 4: Những vấn đề cơ bản về tài chính

Chương 5: Ngân sách nhà nước

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Trần Trung Hiếu
2. ThS. Đoàn Việt Anh
3. ThS. Trần Thị Ngọc Lan
4. ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc
5. Th.S. Bùi Thị Yên

Tailieu.vn

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
MỤC LỤC.....	4
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC VĂN PHÒNG.....	12
CHƯƠNG 2. CÔNG TÁC THÔNG TIN.....	36
CHƯƠNG 3. CÔNG TÁC VĂN THƯ'	66
CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC LƯU TRỮ'	85
CHƯƠNG 5. NGHIỆP VỤ THƯ KÝ VĂN PHÒNG	99

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Lý thuyết tài chính tiền tệ

2. Mã môn học: MH11

3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

3.1. Vị trí: Là môn khoa học cơ sở trong nội dung chương trình đào tạo của nghề kế toán doanh nghiệp, được bố trí giảng dạy sau các môn học chung.

3.2. Tính chất: Môn học lý thuyết tài chính tiền tệ cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về tài chính, tiền tệ, tín dụng làm cơ sở cho học sinh nhận thức các môn chuyên môn của nghề.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính, ngân sách nhà nước.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

- + **A1:** Trình bày được những kiến thức cơ bản của lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước;
- + **A2:** Trình bày được những nội dung cơ bản về tiền tệ; tín dụng về hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác tồn tại trong nền kinh tế thị trường;
- + **A3:** Trình bày được các yếu tố, hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

4.2. Về kỹ năng:

- + **B1:** Xử lý được các vấn đề về hoạt động tài chính trên góc độ phương pháp luận thông qua các câu hỏi thảo luận, câu hỏi ôn tập trong quá trình học tập môn học
- + **B2:** Phân loại được các hình thức tiền tệ và các hình thức về tín dụng ngân hàng.
- + **B3:** Viết được quy trình thanh toán của các hình thức thanh toán trong nền kinh tế thị trường và thanh toán quốc tế.
- + **B4:** Sử dụng kiến thức đã được nghiên cứu làm cơ sở cho việc nhận thức, học tập các môn chuyên môn của nghề và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.

4.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + **C1:** Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn
- + **C2:** Có thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính.

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	172	240	23
MH 01	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	6	120	57	57	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	94	2,260	653	1,517	90
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	420	210	185	25
MH 07	Quản trị văn phòng	2	45	25	17	3
MH 08	Soạn thảo văn bản	2	45	25	17	3
MH 09	Kinh tế vi mô	2	45	25	17	3
MH 10	Kinh tế vĩ mô	2	45	25	17	3

MH 11	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	30	12	3
MH 12	Nguyên lý thống kê	2	45	20	23	2
MH 13	Nguyên lý kế toán	4	75	30	41	4
MH 14	Tiếng anh Chuyên ngành	4	75	30	41	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	52	1375	289	1046	40
MĐ 15	Kiến tập	1	10	-	10	0
MĐ 16	Kế toán doanh nghiệp 1	6	105	60	40	5
MĐ 17	Kế toán doanh nghiệp 2	5	105	30	70	5
MĐ 18	Kế toán doanh nghiệp 3	3	75	25	45	5
MH 19	Thuế	2	45	20	23	2
MH 20	Tài chính doanh nghiệp	3	60	25	32	3
MĐ 21	Kế toán quản trị	3	60	25	32	3
MĐ 22	Tin học kế toán excel	4	90	29	57	4
MH 23	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	25	32	3
MH 24	Thực hành lập chứng từ và ghi sổ kế toán	4	120	-	116	4
MH 25	Kiểm toán	3	45	30	12	3
MĐ 26	Tin học kế toán phần mềm	3	60	20	37	3
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	12	540	-	540	-
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	21	465	154	286	25
MH 28	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	45	22	19	4

MH 29	Marketing	2	45	20	23	2
MĐ 30	Kế toán thương mại dịch vụ	2	45	18	25	2
MĐ 31	Kế toán Hành chính sự nghiệp	2	45	18	25	2
MH 32	Quản trị doanh nghiệp	3	60	20	37	3
MH 33	Thanh toán quốc tế	2	45	18	25	2
MĐ 34	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	2	45	18	25	2
MĐ 35	Kế toán thuế	3	60	20	37	3
MĐ 36	Thực hành lập Báo cáo tài chính	3	75	-	70	5
TỔNG CỘNG		75	115	2,695	825	1,757

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A1, A2, A3, B1, B2, B3, C1, C2	1	Sau 4 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A3, B4, C2	3	Sau 8 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	A1, A2, A3, B1, B2, B3, B4,	1	Sau 45 giờ

			C1, C2,		
--	--	--	---------	--	--

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng kế toán doanh nghiệp

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lý thuyết tài chính – tiền tệ của PGS. TS Phan Thị Cúc – Nhà xuất bản Phương Đông, 2012
- Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ của Đại Học Tài Chính Ngân Hàng Hà Nội – Nhà xuất bản Thống kê, 2013
- Giáo trình Thị trường chứng khoán của Đại học kinh tế quốc dân 2018
- Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện
- Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thực hiện
- Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thực hiện
- Thông tin trên các tạp chí chuyên ngành như: Tạp chí nghiên cứu tài chính, Thời báo kinh tế, Thời báo tài chính...
- Thông tin trên mạng internet: Các trang web: www.vietnam.gov.vn: Chính Phủ Việt Nam; www.mof.gov.vn: Bộ Tài Chính.

CHƯƠNG 1: TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Nội dung chương giới thiệu khái quát về nguồn gốc ra đời, bản chất, chức năng và vai trò của tiền tệ. Trang bị cho người học những kiến thức về lạm phát trong nền kinh tế để từ đó đưa ra các giải pháp hạn chế và phòng chống lạm phát.

❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

➤ **Về kiến thức:**

- Trình bày được vai trò và chức năng của tiền tệ đối với nền kinh tế, từ đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với mọi hoạt động của nền kinh tế.
- Nhận biết được nguồn gốc ra đời và tiến hoá của tiền tệ qua các hình thái của nó.
- Trình bày được lịch sử tiến hoá của các chế độ tiền tệ, hệ thống tiền tệ quốc tế và sự tiến hoá của nó từ xưa đến nay.
- Vận dụng được quy luật lưu thông tiền tệ vào thực tiễn, thấy được những luận điểm khác nhau về lạm phát, nguyên nhân, tác động và các giải pháp hạn chế và phòng chống lạm phát

➤ **Về kỹ năng:** trao đổi làm việc nhóm, thuyết trình.

➤ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
- + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
- + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
- + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

- **Nội dung:**
 - ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
 - ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
 - ✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
 - ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
 - ✓ **Kiểm tra định kỳ:** không có

❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

1. Nguồn gốc ra đời, bản chất, chức năng và vai trò của tiền tệ

1.1 Nguồn gốc ra đời và quá trình phát triển của tiền tệ

Trao đổi bắt đầu xuất hiện từ khi công xã nguyên thủy bắt đầu tan rã. Hình thức trao đổi lúc này là trao đổi trực tiếp vật lấy vật và hoàn toàn mang tính chất ngẫu nhiên.

Sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá đòi hỏi phải có một vật nào đó làm môi giới trung gian dẫn đến sự xuất hiện những *vật ngang giá chung*. Vật ngang giá chung là những hàng hoá có thể trao đổi trực tiếp được với nhiều hàng hoá khác. Chúng đều có đặc điểm là: quý hiếm, có công dụng thiết thực để bảo quản, dễ vận chuyển và mang tính đặc thù địa phương.....

Khi sự trao đổi hàng hoá được mở rộng và thành nhu cầu thường xuyên của các bộ lạc, dân tộc, thì vật ngang giá chung được gắn vào kim loại

Kim loại được sử dụng làm vật ngang giá chung đầu tiên là kẽm sau đó đến đồng rồi đến bạc. Đầu thế kỷ 19, vì tính chất ưu việt của mình vàng bắt đầu đóng vai trò là vật ngang giá chung.

Khi vàng độc chiếm vị trí vật ngang giá chung, thì cái tên vật "ngang giá chung" được thay thế bằng tiền tệ - (Hình thái tiền của giá trị hàng hoá). Thế giới hàng hoá được chia thành 2 cực: một phía là những hàng hoá thông thường, trực tiếp biểu hiện giá trị sử dụng và mỗi hàng hoá chỉ có thể thoả mãn được một hay vài nhu cầu nào đó của con người. Phía bên kia - Cực đối lập là vàng - tiền tệ có thể trao đổi trực tiếp được với mọi hàng hoá khác $\Rightarrow$ Vàng - Tiền là một loại hàng hoá đặc biệt

Kinh tế học đã chỉ ra rằng, tiền tệ là một phạm trù kinh tế khách quan, gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền kinh tế hàng hoá.

1.2. Bản chất của tiền tệ

Tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung để đo giá trị của các hàng hóa khác, làm phương tiện trao đổi để trao đổi hàng hoá, dịch vụ và thanh toán các khoản nợ.

1.3. Chức năng của tiền tệ

1.3.1. Chức năng thước đo giá trị

Thước đo giá trị là chức năng đầu tiên và là chức năng quan trọng nhất của tiền. Thực hiện chức năng này, giá trị của tiền được sử dụng làm phương tiện thước đo để so sánh với giá trị của tất cả các hàng hóa.

Để thực hiện chức năng này tiền phải có các điều kiện sau:

- Tiền phải có đầy đủ giá trị: Tất cả các hàng hoá đều có giá trị nội tại, vì vậy để đo được những giá trị này, thì tiền phải có giá trị.

Trong lịch sử đã có những đồng tiền vàng lưu thông. Đó là thước đo giá trị chuẩn mực nhất, khi thực hiện thước đo giá trị đã phát sinh so sánh trực tiếp giữa giá trị của hàng hoá và vàng. Lịch sử này được lặp đi, lặp lại nhiều lần và trở thành "thói quen" của những người tham gia trao đổi trên thị trường, nên sau đó không cần có mặt của những đồng tiền vàng, những người trao đổi hàng hoá vẫn có thể ước lượng được giá trị hàng hoá tương đối chính xác. Như vậy "phép đo" giá trị vẫn được thực hiện mà không cần sự hiện diện của thước đo - vàng. Đó là cơ sở dẫn đến hiện tượng "phi vật chất" chức năng thước đo giá trị.

- Tiền phải có tiêu chuẩn giá cả:

Tiêu chuẩn giá cả là trọng lượng vàng nhất định được pháp luật Nhà nước ấn định cho đơn vị tiền tệ và tên gọi của nó.

Khi thực hiện chức năng thước đo giá trị, tiền đã chuyển giá trị của hàng hoá thành tên gọi mới, đó là giá cả. Giá cả của hàng hoá là biểu hiện bằng tiền giá trị của nó.

Thực chất của giá cả hàng hoá là tỷ lệ so sánh giữa giá trị của nó với giá trị của tiền tệ. Chính vì thế mà giá cả của hàng hoá tỷ lệ thuận với giá trị của nó và tỷ lệ nghịch với giá trị của tiền tệ

1.3.2. Chức năng phương tiện lưu thông

Thực hiện chức năng này tiền đóng vai trò là môi giới trung gian, trong trao đổi, nó vận động đồng thời và ngược chiều với sự vận động của hàng hoá.

H - T - H (Hàng hoá - Tiền tệ - Hàng hoá)

Trong nền kinh tế, tiền tệ làm phương tiện trao đổi khi nó được dùng để mua bán hàng hoá, dịch vụ hoặc thanh toán các khoản nợ.

Việc dùng tiền làm phương tiện trao đổi đã nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, bởi nó đã tiết kiệm được chi phí quá lớn trong quá trình trao đổi trực tiếp (H - H), thể hiện:

- Quá trình trao đổi hàng hoá được tách thành hai giai đoạn riêng biệt là bán và mua:

+ Giai đoạn bán hàng (H - T): thời kỳ chuyển hoá giá trị của hàng hoá thành tiền. Đây là công việc khó khăn nhất của những người SX hàng hoá trong ĐK của nền kinh tế thị trường;

+ Giai đoạn mua hàng (T - H): những người sở hữu tiền có thể thực hiện giai đoạn này một cách dễ dàng.

- Lưu thông hàng hoá tách rời hành vi mua và bán cả về không gian và thời gian: Người SX hàng hoá có thể bán chỗ này, mua chỗ khác; bán lúc này mua lúc khác.

Khi thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, tiền tệ phải có đủ ĐK sau:

Phải sử dụng tiền mặt

Tiền mặt là tiền đang có giá trị lưu hành, chúng có hình dáng, kích thước và tiêu chuẩn giá cả nhất định, được luật pháp nhà nước thừa nhận.

Khi thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, bắt buộc phải sử dụng tiền mặt, vì trong quá trình trao đổi này có sự chuyển quyền sở hữu giữa người sở hữu hàng hoá và người sở hữu tiền.

Có thể sử dụng tiền dấu hiệu

Mục đích của người bán hàng không phải là để trở thành kẻ sở hữu tiền vĩnh viễn, mà là để mua hàng hoá, đạt đến một giá trị sử dụng mới.

Do vậy, tiền tệ đối với họ chỉ là "môi giới thoáng qua", chính vì thế mà khi thực hiện quá trình trao đổi “H-T-H” có thể sử dụng tiền đủ giá (tiền vàng) hoặc tiền dấu hiệu (giấy bạc ngân hàng cũng được).

Lưu thông chỉ chấp nhận một lượng tiền nhất định

Số lượng hàng hoá đưa vào lưu thông trong kỳ với tổng giá cả đã được xác định. Do đó lưu thông cũng chỉ có thể chấp nhận một khối lượng tiền nhất định, để thực hiện các quan hệ trao đổi.

Số lượng tiền cần thiết trong lưu thông phụ thuộc vào hai yếu tố:

+ *Tổng giá cả hàng hoá đưa ra lưu thông*: Giả sử không có hiện tượng mua bán chịu hàng hoá, không có lưu thông ngoại tệ, chỉ có lưu thông một loại tiền duy nhất, thì tổng giá cả của hàng hoá trong lưu thông tăng lên $\Rightarrow$ số lượng tiền cần thiết cho lưu thông cũng sẽ tăng lên (số lượng tiền cần thiết cho lưu thông tỷ lệ thuận với tổng giá cả hàng hoá trong lưu thông);

+ *Tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ*: Khác với hàng hoá thông thường, sau quá trình lưu thông, chúng sẽ đi vào tiêu dùng. Còn tiền tệ - hàng hoá đặc biệt, lại luôn luôn vận động trong lưu thông. Một đơn vị tiền tệ có thể thực hiện được nhiều lần giá trị của hàng hoá.

Ta có nội dung của qui luật lưu thông tiền tệ: *Số lượng tiền cần thiết thực hiện chức năng phương tiện lưu thông tỷ lệ thuận với tổng giá cả hàng hoá trong lưu thông và tỷ lệ nghịch với tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ trong thời kỳ đó.*

$$\frac{\text{Số lượng tiền cần thiết thực hiện chức năng phương tiện lưu thông}}{\text{Tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ}} = \frac{\text{Tổng giá cả hàng hoá lưu thông trong kỳ}}{\text{Tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ}}$$

Quy luật lưu thông tiền tệ là quy luật kinh tế phổ biến và rất quan trọng của nền kinh tế thị trường. Vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào để xác định được khối lượng cần thiết cho lưu thông một cách chính xác, trên cơ sở đó cung ứng tiền cho lưu thông phù hợp.

1.3.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị

Dự trữ giá trị là tích lũy một lượng giá trị nào đó bằng những phương tiện chuyển tải giá trị, được xã hội thừa nhận, với mục đích có thể chuyển hoá thành hàng hoá hoặc dịch vụ trong tương lai.

Chức năng này là quan trọng, vì mọi người không muốn chi tiêu hết thu nhập của mình ngay khi nhận nó, mà dự trữ để sử dụng nó trong tương lai

Thực hiện chức năng này tiền phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

- Giá trị dự trữ phải được thể hiện bằng những phương tiện truyền tải giá trị hiện thực. Nghĩa là các phương tiện này phải được lượng hóa: cân, đong, đo, đếm được. Chứ không phải là một lượng tiền "tưởng tượng";
- Giá trị dự trữ bằng những phương tiện được xã hội thừa nhận: Các phương tiện này có thể được pháp luật thừa nhận. Cũng có thể chúng được đảm bảo bằng thông lệ của địa phương hay quốc gia;
- Giá trị dự trữ mang tính thời gian.

Nếu dự trữ ngắn ngày dùng giấy bạc ngân hàng.

Nếu dự trữ dài ngày dùng ngoại tệ mạnh hoặc vàng.

Nếu dự trữ không thời hạn thì dùng vàng.

Thực tế giá trị đã được dự trữ thì không thể tự nó "lớn lên" theo thời gian. Thậm chí nó còn giảm đi, nếu người sở hữu không biết lựa chọn các phương tiện chuyển tải giá trị phù hợp. Vì vậy trong nền kinh tế thị trường, những người am hiểu kinh doanh tiền tệ, thường tìm đến phương tiện chuyển tải giá trị có khả năng tự tăng thêm giá trị theo thời gian như: các loại bất động sản, các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc Đó là những phương thức dự trữ giá trị tốt nhất.

1.3.4. Chức năng phương tiện thanh toán

Khi tiền được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa vật tư, chi phí, dịch vụ, nộp thuế, trả lương ... thì tiền làm chức năng phương tiện thanh toán.

Điều kiện để thực hiện chức năng thanh toán.

- Có thể là tiền đủ giá (vàng) hoặc các loại dấu hiệu giá trị như giấy bạc ngân hàng, séc, tiền mặt....
- Có thể dùng tiền chuyển khoản và sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ trong nền kinh tế.

1.3.5. Chức năng phương tiện thanh toán quốc tế và tiền tệ thế giới

Cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế, chính trị, ngoại giao giữa các quốc gia, quan hệ tiền tệ quốc tế cũng ngày càng được mở rộng và tăng cường.

Khi tiền tệ dùng để thanh toán, chi trả giữa các quốc gia thì tiền tệ thực hiện chức năng thanh toán quốc tế và tiền tệ thế giới.

Điều kiện để thực hiện chức năng này.

- Phải là đồng tiền mạnh;
- Phải là tiền mặt và có giá trị hoàn toàn đó là vàng.

1.4. Vai trò của tiền tệ.

1.4.1 Tiền tệ là phương tiện để mở rộng, phát triển sản xuất và trao đổi hàng hoá

Tiền là sản phẩm của nền kinh tế hàng hoá. Nhưng khi tiền xuất hiện, nó lại trở thành công cụ thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hoá phát triển lên mức cao hơn, bởi vì:

- Tiền đã làm cho giá trị của các hàng hóa được biểu hiện một cách đơn giản. Nghĩa là giá của các hàng hoá đều được biểu hiện bằng tiền, do đó chúng có thể so sánh với nhau một cách dễ dàng;
- Tiền đã làm cho giá trị của các hàng hóa được biểu hiện một cách thuận lợi: Người sở hữu hàng hoá chỉ cần chuyển đổi hàng hoá của mình thành tiền, rồi từ đó họ đạt tới giá trị sử dụng mới một cách dễ dàng;
- Tiền làm cho sự trao đổi hàng hoá không bị ràng buộc về không gian và thời gian. Chính vì thế đã làm cho sự lựa chọn của những người tham gia vào quá trình trao đổi càng trở nên thận trọng và chính xác hơn;
- Tiền tệ đã làm cho việc hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh trở nên thuận tiện và đầy đủ.

1.4.2. Tiền tệ biểu hiện quan hệ xã hội

Đằng sau quan hệ tiền hàng là quan hệ giữa người với người. Những người sản xuất hàng hóa có quan hệ mật thiết với nhau thông qua trao đổi. Trong quan hệ này tiền là "sợi dây" liên hệ họ với nhau.

Tuỳ theo điều kiện và trình độ của mỗi người, tuỳ theo thị trường và thời điểm tiêu thụ.... Có người thì bán được hết hàng, người lại không bán được hàng. Quá trình này đã phân hoá những người SX thành kẻ giàu, người nghèo và như vậy dẫn đến địa vị của họ trong xã hội cũng khác nhau.

1.4.3. Tiền là phương tiện phục vụ mục đích của người sử dụng chúng

Trong nền kinh tế thị trường, các cá nhân, các tổ chức, các doanh nghiệp, kể cả Nhà nước, muốn đạt được mục đích của mình, đều phải sử dụng phương tiện tiền tệ ở mức độ thích hợp.

Tiền là biểu hiện bên ngoài của tài chính. Ở đâu còn chính quyền và luật pháp, thì ở đó vẫn còn thế lực của đồng tiền, và đằng sau chúng là những người sở hữu tiền tệ. Thế lực này chưa thể bị tước bỏ khi nền kinh tế thị trường ngày càng mở rộng

2. Các chế độ lưu thông tiền tệ

2.1. Chế độ lưu thông tiền kim loại

Kim loại đóng vai trò là vật ngang giá chung, là bước phát triển quan trọng của lịch sử trao đổi hàng hoá. Cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa, chế độ lưu thông tiền kim loại cũng phát triển từ thấp đến cao, nghĩa là chế độ lưu thông tiền kim loại đã phát triển từ kim loại kém giá đến kim loại đủ giá.

2.1.1 Chế độ lưu thông tiền kém giá

Tiền kém giá là tiền đúc bằng kẽm và đồng, chúng đã từng được lưu thông trong một thời gian dài ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Lưu thông loại tiền này phản ánh đặc trưng của nền kinh tế hàng hoá kém phát triển: Chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến.

Khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành và phát triển thì chế độ lưu thông tiền kém giá không còn phù hợp nữa.

2.1.2. Chế độ lưu thông tiền đủ giá

Lưu thông tiền đủ giá là lưu thông tiền bạc và vàng. Đây là đặc trưng khởi đầu của nền kinh tế thị trường. Nhưng lưu thông tiền đủ giá cũng phát triển theo từng giai đoạn.